

# ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ LỚP 6

## HỌC KỲ I

### BÀI 1: SƠ LƯỢC VỀ MÔN LỊCH SỬ

#### Câu 1: Lịch sử là gì ?

- Lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ.
- Lịch sử còn là môn khoa học, có nhiệm vụ tìm hiểu và dựng lại những hoạt động của con người và xã hội loài người diễn ra trong quá khứ.

#### Câu 2 : Có gì khác nhau giữa lịch sử của một con người và lịch sử xã hội loài người ?

- Lịch sử một con người chỉ là hoạt động riêng của cá nhân con người đó.
- Lịch sử xã hội loài người liên quan đến nhiều người trong xã hội, nhiều quốc gia với các thời đại khác nhau.

#### Câu 3: Học lịch sử để làm gì ?

- Học Lịch sử để hiểu được cội nguồn dân tộc, biết quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông.
- Biết quá trình đấu tranh với thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm để giữ gìn độc lập dân tộc.
- Biết lịch sử phát triển của nhân loại để rút ra những bài học kinh nghiệm cho hiện tại và tương lai.

#### Câu 4 : Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử ?

Dựa vào 3 nguồn sau tư liệu sau

- *Tư liệu truyền miệng* : Là những câu chuyện, những lời mô tả được truyền từ đời này qua đời khác ở rất nhiều dạng khác nhau như : truyền thuyết...
- *Tư liệu hiện vật* : Là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất, như trống đồng, bia đá....
- *Tư liệu chữ viết* : là những bản ghi, sách vở chép tay hay được in, khắc bằng chữ viết như văn bia, đại việt sử ký toàn thư....

Nguồn tư liệu là gốc để giúp ta hiểu biết và dựng lại lịch sử

#### Câu 5 : Em hiểu gì về câu danh ngôn của Xi- xê- rông « Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống ? »

Lịch sử ghi lại tất cả những gì diễn ra trong quá khứ : cho ta những hiểu biết biết về hiểu biết về tổ tiên, đất nước, dân tộc mình với những chặng đường đấu tranh dựng nước và giữ nước đầy xương máu và nước mắt của các thế hệ cha ông. Qua đó gìn giữ, phát triển, giáo dục và khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho các thế hệ mai sau biết trân trọng những giá trị lịch sử, biết ơn những thế hệ đi trước, và nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn những giá trị tinh hoa, bản sắc văn hóa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc để xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu đẹp, bền vững. Lịch sử chính là tấm gương lớn để

muôn đời sau chúng ta soi vào. Do vậy lịch sử xứng đáng được coi là thầy dạy của cuộc sống.

## BÀI 2 : CÁCH TÍNH THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

### Câu 1 : Tại sao phải xác định thời gian ?

- Muốn hiểu và dựng lại lịch sử phải sắp xếp tất cả các sự kiện theo thứ tự thời gian. Như vậy việc xác định thời gian là rất cần thiết.

- Xác định thời gian xảy ra các sự kiện là một nguyên tắc cơ bản quan trọng trong việc tìm hiểu và học tập lịch sử.

### Câu 2 : Người xưa đã tính thời gian như thế nào? Theo em có mấy cách làm ra lịch? Nêu những cách đó?

- Dựa vào sự quan sát và tính toán, người xưa đã tính được thời gian mọc, lặn, di chuyển của Mặt Trời, Mặt Trăng và làm ra lịch.

Người xưa đã phân chia thời gian theo ngày, tháng, năm và sau đó chia thành giờ, phút.

- Có 2 cách làm lịch, đó là:

+ Người phương Đông : Dựa theo chu kỳ vòng quay của Mặt Trăng quanh Trái Đất (cách tính này được gọi là Âm lịch)

+ Người phương Tây : Dựa theo chu kỳ vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời: (cách tính này được gọi là Dương lịch).

### Câu 3: Theo em thế giới có cần một thứ lịch chung hay không ? Vì sao phải có thứ lịch chung đó? Đó là lịch gì?

Thế giới cần một thứ lịch chung. Vì: Xã hội ngày càng phát triển, sự giao lưu giữa các quốc gia ngày càng được mở rộng. Nhu cầu cần có một thứ lịch chung được đặt ra. Dương lịch ngày càng hoàn chỉnh để các dân tộc đều có thể sử dụng, đó là Công lịch.

### Câu 4: Công lịch được tính như thế nào ?

Công lịch lấy năm tương truyền Chúa Giê- xu ra đời làm năm đầu tiên của Công nguyên. Trước năm đó là trước Công nguyên (TCN).

Theo công lịch:

+ 1 năm có 12 tháng = 365 ngày (năm nhuận thêm một ngày)

+ 1 thế kỷ = 100 năm

+ 1 thiên niên kỷ (TNK) = 1000 năm.

Trước công nguyên ← | → Công nguyên

179 | 111

3000 năm	2000 năm	1000 năm	0	40	248	1000	2000
2017							
TNK III TCN TK21	TNK II TCN	TNK I TCN		TK1	TK3	TK 11	TK 21

**Ví dụ:**

1. Tính thời gian từ năm 179 TCN đến năm 2017 là:  $2017 + 179 = 2196$  năm
2. Tính thời gian từ năm 111 TCN đến năm 2017 là:  $2017 + 111 = 2128$  năm
3. Tính thời gian từ năm 40 đến năm 2017 là:  $2017 - 40 = 1977$  năm
4. Tính thời gian từ năm 248 đến năm 2017 là:  $2017 - 248 = 1769$  năm

**BÀI 3: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY**

**Câu 1: Con người xuất hiện như thế nào?**

- Cách đây khoảng 3 – 4 triệu năm vượn cổ biến thành Người tối cổ (di cốt tìm thấy ở Đông Phi, Giava ( Ấnônêxia) và gần Bắc Kinh ( Trung Quốc)...
  - Họ đi bằng 2 chân.
  - Đôi tay tự do để sử dụng công cụ và kiếm thức ăn.
  - Họ sống thành từng bầy ( vài chục người).
  - Sống bằng hái lượm và săn bắt.
  - Sống trong hang động hoặc những túp lều làm bằng cành cây, lợp lá khô.
  - Công cụ lao động: mảnh tước đá, ghè đẽo thô sơ.
  - Biết dùng lửa để sưởi ấm và nướng thức ăn.
- ⇒ Cuộc sống bấp bênh hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên.

**Câu 2: Người tinh khôn sống như thế nào?**

- Người tinh khôn xuất hiện là bước nhảy vọt thứ hai của con người.
  - + Lốp lông mỏng mất đi.
  - + Họ sống theo thị tộc.
  - + Làm chung, ăn chung.
  - Biết trồng lúa, rau.
  - Biết chăn nuôi gia súc, làm đồ gốm, dệt vải, làm đồ trang sức.
- ⇒ Cuộc sống ổn định hơn.

**Câu 3: Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã?**

- Nhờ công cụ kim loại.
- + Sản xuất phát triển.
- + Sản phẩm con người tạo ra đã đủ ăn và có dư thừa.
- Một số người đứng đầu thị tộc đã chiếm đoạt một phần của cải dư thừa.
- Xã hội xuất hiện tư hữu.
- Có sự phân hoá giàu, nghèo.
- Xã hội nguyên thủy tan rã, xã hội có giai cấp xuất hiện.

**BÀI 4: CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG**

**Câu 1: Các quốc gia cổ đại phương Đông hình thành ở đâu và từ bao giờ ?**

Từ cuối thiên niên kỷ IV đầu thiên niên kỷ III TCN, trên các lưu vực sông lớn: sông Nin ở Ai Cập, Ô- phơ- rát và Ti- gơ- rơ ở Lưỡng Hà, sông Ấn và sông Hằng ở Ấn Độ, sông Hoàng Hà và Trường Giang ở Trung Quốc ngày nay các quốc gia cổ đại ở phương Đông được hình thành. Đây là những quốc gia xuất hiện sớm nhất trong lịch sử loài người

**Câu 2: Vì sao các quốc gia cổ đại phương Đông hình thành trên lưu vực các con sông lớn ?**

Vì đất đai ven sông màu mỡ, nước tưới đầy đủ, dễ trồng trọt, cho năng suất cao, đảm bảo cuộc sống, do vậy cư dân tập trung về đây ngày càng đông, từ đó hình thành nên các quốc gia cổ.

**Câu 3: Nền tảng kinh tế của các quốc gia phương Đông là gì?**

- Nền tảng kinh tế chính là nông nghiệp trồng lúa nước ngày càng phát triển;  
- Người ta cũng biết làm thủy lợi, đắp đê, ngăn lũ, đào kênh mương dẫn nước vào ruộng.

- Ngoài ra nghề chăn nuôi gia súc và các nghề thủ công khác như : luyện kim, đúc đồng, làm đồ gốm, đóng thuyền, làm nhà và trao đổi sản phẩm giữa các vùng cũng phát triển.

**Câu 4: Vì sao nông nghiệp là ngành kinh tế chính?**

Nông nghiệp là ngành kinh tế chính vì: các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở lưu vực các con sông lớn, có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất đai màu mỡ, dễ canh tác, cho năng suất cao, lượng nước tưới quanh năm đầy đủ rất thuận lợi cho sự phát triển của nghề nông.

**Câu 5: Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm những tầng lớp nào ?**

Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm 3 tầng lớp:

+ Nông dân công xã: đông đảo nhất và là tầng lớp lao động sản xuất chính trong xã hội.

+ Quý tộc, quan lại: là tầng lớp có nhiều của cải và quyền thế. Đứng đầu là nhà vua nắm mọi quyền hành.

+ Nô lệ: là những người hèn kém, hầu hạ, phục dịch cho quý tộc; thân phận không khác gì con vật.

**Câu 6: Em hiểu thế nào là nhà nước chuyên chế cổ đại phương Đông ?**

Nhà nước chuyên chế cổ đại phương Đông là nhà nước do : Vua đứng đầu, có quyền hành có quyền cao nhất trong mọi việc: từ việc đặt ra luật pháp, chỉ huy quân đội, đến việc xét xử những người có tội...

Giúp việc cho vua là bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương gồm toàn quý tộc (quan lại). Họ lo việc thu thuế, xây dựng cung điện, đền tháp và chỉ huy quân đội.

## BÀI 5: CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY

**Câu 1: Các quốc gia cổ đại phương Tây hình thành ở đâu và tự bao giờ ?**

Khoảng đầu thiên niên kỉ I TCN, trên hai bán đảo Ban- căng và I- ta-li-a, hai quốc gia cổ đại phương Tây là Hy Lạp và Rô- ma được hình thành.

**Câu 2: So sánh sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây?**

+ **Quốc gia cổ đại Phương Đông:** ra đời cuối thiên niên kỉ IV, đầu thiên niên kỉ III TCN trên lưu vực các con sông lớn có nhiều phù sa màu mỡ thuận lợi phát triển nông nghiệp.

+ **Quốc gia cổ đại Phương Tây:** ra đời đầu thiên kỉ I TCN, trên bán đảo Ban Căng và I- ta- li- a có ít đồng bằng, chủ yếu là đất đồi núi đá vôi, xen kẽ với những thung lũng bờ biển khúc khuỷu, hải cảng tự nhiên, thuận lợi cho buôn bán đường biển.

Như vậy, các quốc gia cổ đại phương Tây ra đời sau các quốc gia cổ đại phương Đông.

**Câu 3: Tại sao ở phương Tây, các quốc gia cổ đại lại hình thành muộn hơn nhiều so với phương Đông ?**

Vì ở phương Tây đất đai xấu, không thuận lợi cho sự phát triển của việc trồng lúa, do đó không có nền kinh tế sớm ổn định, cần cho sự hình thành một quốc gia.

**Câu 4: Xã hội Hi Lạp và Rô ma gồm những giai cấp nào?**

Gồm 02 giai cấp cơ bản:

- + Chủ nô: có quyền lực, giàu có và bóc lột nô lệ
- + Nô lệ: lực lượng lao động chính trong xã hội, làm việc cực nhọc ở các trang trại, bị đối xử tàn tệ và là tài sản riêng của chủ nô, bị xem như “công cụ biết nói”.

**Câu 5: Em hiểu thế nào là xã hội chiếm hữu nô lệ ?**

Xã hội chiếm hữu nô lệ là xã hội có hai giai cấp chính là: chủ nô và nô lệ, trong đó giai cấp chủ nô thống trị, họ sống dựa trên sức lao động của nô lệ và bóc lột nô lệ.

## BÀI 6: VĂN HÓA CỔ ĐẠI

**Câu 1: Các dân tộc phương Đông thời cổ đại đã có những thành tựu văn hóa gì ?**

- Biết được về thiên văn, sáng tạo ra lịch (âm lịch), làm đồng hồ đo thời gian
- Biết dùng chữ tượng hình, viết trên giấy pa- pi- rút, trên mai rùa, thẻ tre, trên các phiến đất sét ướt rồi đem nung khô...
- Trong toán học:
  - + Người Ai Cập nghĩ ra phép đếm đến 10, giỏi về hình học, tính được số Pi bằng 3,14.

- + Người Lương Hà giỏi về số học
- + Người Ấn Độ tìm ra các chữ số (kể cả số 0).
- Kiến trúc: các công trình kiến trúc đồ sộ: Kim tự tháp ở Ai Cập, thành Ba-bi-lon ở Lương Hà.

**Câu 2: Người Hy Lạp, Rô- ma đã có những đóng góp gì về văn hóa ?**

- Biết về thiên văn, làm lịch và dùng lịch Dương. Họ tính ra được 1 năm có 365 ngày và 6 giờ, chia thành 12 tháng.
- Sáng tạo ra hệ chữ cái a, b, c... ban đầu gồm 20 chữ cái, sau hoàn chỉnh có 26 chữ cái mà ngày nay chúng ta vẫn đang dùng.
- Hình thành hệ thống chữ số La Mã
- Các ngành khoa học cơ bản đạt nhiều thành tựu rực rỡ: Toán học; Thiên văn, vật lý, triết học, sử học, địa lý...
- Văn học cổ Hi Lạp phát triển rực rỡ với bộ sử thi, vở kịch thơ độc đáo: I-li- at, Ô-re-xti...
- Nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc nổi tiếng: đền Pac- tơ- nông ở A- ten; đấu trường Cô- li- dê ở Rô- ma; tượng Lực sĩ ném đĩa, thần vệ nữ ở Mi- lô...

**Câu 3: Theo em, những thành tựu văn hóa nào của thời cổ đại còn được sử dụng đến ngày nay ?**

Chữ viết la tinh a, b, c, chữ số, lịch, một số thành tựu khoa học: toán học; thiên văn, triết học, sử học...

**Câu 4: Theo em, thành tựu có ý nghĩa lớn nhất đối với văn minh loài người là thành tựu nào?**

Đó là chữ viết vì: nhờ có chữ viết mà thành tựu văn hóa của loài người được bảo tồn và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

## BÀI 7: ÔN TẬP

**Câu 1: Những dấu vết của Người tối cổ (người Vượn) được phát hiện ở đâu?**

- Những dấu vết của người tối cổ được phát hiện ở miền Đông châu Phi, đảo Giava, gần thành Bắc Kinh.
- Cách đây 30- 40 vạn năm, người tối cổ cũng xuất hiện trên đất nước ta. Những dấu tích tìm thấy ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai(Lạng Sơn), Núi Đọ, Quan Yên (Thanh Hoá), Xuân Lộc(Đồng Nai).
- Phát hiện rằng người tối cổ, công cụ đá ghè đẽo thô sơ.

**Câu 2: Điểm khác nhau giữa người tinh khôn và người tối cổ thời nguyên thủy?**

Điểm khác nhau	Người tối cổ (Cách đây 3-4 triệu năm)	Người tinh khôn (Cách đây 4 vạn năm)
1. Về con người	- Khi đi ngã về phía trước, - Tay dài quá đầu gối, ngón tay vụng về.	- Dáng đứng thẳng. - Xương cốt nhỏ hơn. - Đôi tay khéo hơn.



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trán thấp, vát ra đằng sau.</li> <li>- U lông mày cao.</li> <li>- Xương hàm bạnh, nhô ra đằng trước.</li> <li>- Hộp sọ và não nhỏ.</li> <li>- Có một lớp lông mỏng trên cơ thể., thể tích não 850-1100cm<sup>3</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trán cao, mặt phẳng.</li> <li>- Hộp sọ và thể tích não lớn hơn.</li> <li>- Cơ thể gọn hơn, linh hoạt hơn.</li> <li>- Không còn lớp lông mỏng trên cơ thể.</li> </ul>
<b>2. Công cụ sản xuất</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công cụ bằng đá được ghè đẽo thô sơ hoặc được mài một mặt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cải tiến công cụ đá</li> <li>- Phát hiện ra kim loại và biết chế tạo ra công cụ kim loại</li> </ul>
<b>3. Tổ chức xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sống thành từng bầy trong hang động, mái đá, và cả ngoài trời</li> <li>- Sống bằng săn bắt và hái lượm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sống từng nhóm nhỏ, có họ hàng với nhau gọi là thị tộc.</li> <li>- Họ làm chung, ăn chung, biết trồng trọt, chăn nuôi, làm đồ gốm, dệt vải, làm đồ trang sức</li> </ul>

**Câu.....: Nghề nông trồng lúa nước ra đời ở đâu và trong điều kiện nào?**

- Với nghề nông vốn có và công cụ cải tiến, người nguyên thủy sống định cư ở đồng bằng ven sông, ven biển → thuần hóa lúa hoang dần trở thành cây lương thực chính.
- Nghề nông trồng lúa nước ra đời.
- Cuộc sống của con người ổn định hơn.

**Câu 3: Thời cổ đại có những quốc gia lớn nào?**

- Ở phương Đông: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc
- Ở phương Tây: Hy Lạp và Rôma

**Câu.....: Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở đâu và từ bao giờ?**

- Ra đời vào cuối TNK IV đầu TNK III TCN
- Được hình thành trên các lưu vực sông lớn: sông Nin (Ai Cập), sông Tigrơ, Ơphorát (Lưỡng Hà), sông Ấn, Hằng(Ấn Độ), sông Trường Giang, Hoàng Hà (Trung Quốc).
- Nghề nông trở thành nền kinh tế chính.

**Câu.....: Sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây:**

- Khoảng đầu TNK I TCN, trên bán đảo Ban căng và Italya đã hình thành 2 quốc gia Hy Lạp và Rô Ma.
- Đất đai không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.
- Thủ công nghiệp và thương nghiệp, nhất là ngoại thương rất phát triển.

**Câu 4: Các tầng lớp xã hội chính ở thời cổ đại?**

\* **Ở phương Đông:** có 3 tầng lớp:

- + Quý tộc: vua, quan
- + Nông dân công xã: lực lượng sản xuất chính nuôi sống xã hội
- + nô lệ: chủ yếu phục vụ vua, quan, quý tộc

\* **Ở phương Tây:** có 02 tầng lớp:

- + Chủ nô
- + Nô lệ: lực lượng sản xuất đông đảo nuôi sống xã hội

**Câu 5: Các loại Nhà nước thời cổ đại (điểm khác nhau về nhà nước giữa các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây)**

\* **Ở phương Đông:** Nhà nước quân chủ chuyên chế: do Vua chuyên chế đứng đầu, quyền hành cao nhất, quyết định mọi công việc từ đặt ra luật pháp, chỉ huy quân đội..., theo chế độ cha truyền con nối, hay thường gọi là quân chủ (Ai Cập, Trung Quốc)

\* **Ở phương Tây:** Nhà nước dân chủ nô lệ (nhà nước cộng hòa): Người dân tự do có quyền bầu ra những người cai quản đất nước theo thời hạn quy định, được gọi là nhà nước dân chủ nô lệ. Điển hình là Nhà nước Aten, có “Hội đồng 500” quyết định mọi việc. Riêng ở Rô ma, quyền lãnh đạo đất nước đổi dần từ thế kỷ I TCN đến thế kỷ V theo thể chế quân chủ, đứng đầu là Vua.

**Câu 6: Những thành tựu văn hóa ở thời cổ đại**

\* **Ở Phương Đông:**

- Biết được về thiên văn, sáng tạo ra lịch (âm lịch), làm đồng hồ đo thời gian

- Chữ viết: Biết dùng chữ tượng hình, viết trên giấy pa- pi- rút, trên mai rùa, thẻ tre, trên các phiến đất sét ướt rồi đem nung khô...

- Trong toán học:

+ Người Ai Cập nghĩ ra phép đếm đến 10, giỏi về hình học, tính được số Pi bằng 3,14.

+ Người Lưỡng Hà giỏi về số học

+ Người Ấn Độ tìm ra các chữ số (kể cả số 0).

- Kiến trúc: các công trình kiến trúc đồ sộ: Kim tự tháp ở Ai Cập, thành Ba- bi- lon ở Lưỡng Hà.

\* **Ở phương Tây:**

- Biết về thiên văn, làm lịch và dùng lịch Dương.

- Chữ viết: Sáng tạo ra hệ chữ cái a, b, c... ban đầu gồm 20 chữ cái, sau hoàn chỉnh có 26 chữ cái mà ngày nay chúng ta vẫn đang dùng.

- Hình thành hệ thống chữ số La Mã I, II, III...

- Các ngành khoa học cơ bản đạt nhiều thành tựu rực rỡ: Toán học; Thiên văn, vật lý, triết học, sử học, địa lý...

- Văn học cổ Hi Lạp phát triển rực rỡ với bộ sử thi, vở kịch thơ độc đáo: I-li- at, Ô-re-xti...

- Nghệ thuật: đền Pactonông (Hy Lạp), đấu trường Côlidê (Rô Ma), tượng lực sĩ ném đĩa, tượng thân vệ nữ.

**Câu 7: Đánh giá những thành tựu văn hóa lớn ở thời cổ đại?**



- Những thành tựu văn hóa lớn ở thời cổ đại đã nói lên sự tài năng và sự phát triển của trình độ trí tuệ, khả năng vĩ đại con người. Không những để phục vụ cuộc sống của họ mà còn làm cho sự phát triển của sản xuất, khoa học công nghệ sau này.
- Những thành tựu đó đã đặt nền móng cho sự phát triển của các ngành khoa học, nghệ thuật ngày nay.

## **BÀI 8: THỜI NGUYÊN THỦY TRÊN ĐẤT NƯỚC TA**

### **Câu 1: Những dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy ở đâu?**

- Ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai ( Lạng Sơn ), phát hiện răng của Người tối cổ, thân, xương động vật cổ.
  - Ở Núi Đọ, Quan Yên ( Thanh Hoá ), Xuân Lộc ( Đồng Nai )..phát hiện công cụ đá ghè đẽo thô sơ.
- Người tối cổ sinh sống trên khắp đất nước ta.

### **Câu 2: Ở giai đoạn đầu, Người tinh khôn sống như thế nào?**

- Thời gian: khoảng 3 - 2 vạn năm trước đây.
  - Địa điểm: mái đá Ngườm ( Thái Nguyên ), Sơn Vi ( Lâm Thao - Phú Thọ ), và nhiều nơi khác ( Lai Châu, Sơn La, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An )
  - Công cụ: đá ghè đẽo thô sơ, có hình thù rõ rệt.
- Người tinh khôn có bước tiến mới về kỹ thuật chế tác công cụ đá - cuộc sống có tiến bộ hơn - con người cần có những mối quan hệ mới.

### **Câu 3: Giai đoạn phát triển của Người tinh khôn có gì mới?**

- Sự tiến bộ trong kỹ thuật chế tác công cụ đá ( đá mài lưỡi ).
- Nhờ lao động sản xuất và cải tiến kỹ thuật - sản xuất phát triển, cuộc sống định cư lâu dài.
- Xuất hiện các loại hình công cụ mới ( Xương, sừng ), đồ gốm ra đời.

## **BÀI 9: ĐỜI SỐNG NGƯỜI NGUYÊN THỦY TRÊN ĐẤT NƯỚC TA**

### **Câu 1: Đời sống vật chất**

- Công cụ, đồ dùng mới: rìu đá mài lưỡi, đồ gốm...
- Làm đồ gốm đòi hỏi trình độ cao hơn - là một phát minh quan trọng.
- Làm tăng thêm nguyên liệu và loại hình công cụ, đồ dùng cần thiết.
- Biết trồng trọt và chăn nuôi.
- Con người đã tạo ra lương thực, thức ăn cần thiết...
- Sống chủ yếu ở trong hang động, mài đá, lều lợp cỏ, lá cây..

### **Câu 2: Tổ chức xã hội.**

- Sống định cư lâu dài ở một nơi thành từng nhóm ( trong hang động phát hiện những lớp vỏ sò dày 3 - 4m.

- Chế độ thị tộc mẫu hệ.
- Đây là tổ chức xã hội có tổ chức đầu tiên.

**Câu 3: Đời sống tinh thần.**

- Nhu cầu trang sức và các đồ trang sức đa dạng.
- Cuộc sống tinh thần phong phú..
- Quan hệ giữa người và người ngày càng gắn bó.
- Lao động sản xuất được coi trọng.

**THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC**  
**BÀI 10: NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ.**

**Câu 1: Công cụ sản xuất được cải tiến như thế nào?**

- Công cụ bằng đá được mài nhẵn.
- Công cụ bằng sừng, sừng nhiều hơn.
- Đồ gốm xuất hiện và ngày càng phát triển - Kỹ thuật chế tác đá ở trình độ cao, công cụ, đồ dùng ngày càng phát triển, đồ gốm ra đời.
- Từ trình độ cao của kỹ thuật chế tác đá và làm đồ gốm, con người đã tiến thêm một bước căn bản - Phát minh ra thuật luyện kim.

**Câu 2: Thuật luyện kim đã được phát minh như thế nào?**

- Nhờ sự phát triển của nghề làm đồ gốm, thuật luyện kim ra đời.
- Công cụ kim loại đầu tiên: Dùi đồng, dây đồng...
- Từ đây con người đã tìm ra một thứ nguyên liệu mới để làm công cụ theo ý muốn nhu cầu của mình.

**Câu 3: Nghề trồng lúa nước ra đời ở đâu và trong điều kiện nào?**

( Công cụ, đồ dựng, gạo cháy, thóc... ở Hoa Lộc, Phùng Nguyên..).

- Người Hoa Lộc và Phùng Nguyên đã phát minh ra nghề trồng lúa nước.
- Thóc gạo dần trở thành lương thực chính.
- Cuộc sống định cư lâu dài ven các con sông lớn.
- Trước đây: Cuộc sống bấp bênh, phụ thuộc vào thiên nhiên liên tục phải chuyển chỗ ở.
  - Sau khi có nghề trồng lúa nước cuộc sống ổn định hơn, chủ động được lương thực, định cư lâu dài ven các con sông lớn ( Có đất đai màu mỡ, đủ nước tưới cho cây lúa, thuận lợi cho cuộc sống sản xuất)

**THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC**  
**BÀI 11: NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ XÃ HỘI.**

**Câu 1. Sự phân công lao động đã được hình thành như thế nào?**

( Ba phát minh quan trọng: đồ gốm, đồ đồng, nghề trồng lúa nước).

- Chất liệu: Bền hơn, chắc hơn, dễ tạo hình hơn, nguồn gốc: Quảng, đất sét, cách làm phức tạp hơn, đòi hỏi kỹ thuật cao hơn.
- Không phải ai cũng biết luyện kim hoặc đúc đồng hay làm đồ gốm.

- Xuất hiện sự chuyên môn hoá.
- + Phân công lao động theo ngành nghề..
- + Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp ( Không thể).
- Có sự phân công lao động theo giới tính giữa nam và nữ.
- \* Sự phân công lao động theo nghề nghiệp và giới tính là cần thiết. Sự phân công lao động xã hội phức tạp hơn, nhưng đó là một chuyển biến cực kỳ quan trọng.

### **Câu 2. Xã hội có gì đổi mới?**

- Tổ chức thị tộc mẫu hệ.
- Cuộc sống ổn định, đông đảo hơn, định cư lâu hơn.
- Hình thành các chiềng, chạ ( làng, bản) và bộ lạc.
- Người nam giới là lao động chính và làm công việc nặng nhọc.
- Thị tộc mẫu hệ được thay thế bằng thị tộc phụ hệ.
- Người cao tuổi được coi trọng.
- \* Có những ngôi mộ chôn theo của cải: giàu có, có những ngôi mộ không chôn theo của cải: Nghèo.
- Xã hội có sự phân hoá giàu nghèo.

### **Câu 3. Bước phát triển mới về xã hội được nảy sinh như thế nào?**

- Các khu vực văn hoá phát triển đều khắp trên cả ba miền của đất nước. vị trí khu vực văn hóa lớn của các di chỉ: Ốc eo; Sa Huỳnh; Đông Sơn.
- \* Các công cụ chủ yếu bằng đồng, hình dáng, trang trí hài hoà, nhiều loại hình công cụ khác nhau, phù hợp với nhiều công việc ngành nghề: Luyện kim, đúc đồng, nghề nông phát triển.
- Công cụ bằng đồng thay thế hẳn công cụ bằng đá.
- \* Cư dân của văn hoá Đông Sơn gọi chung là người Lạc Việt.

### **Câu 4: Từ thế kỉ VIII-I TCN, hình thành những nền văn hoá nào? nêu những nét chính về trình độ sản xuất thời văn hóa Đông Sơn?**

- a. Từ thế kỉ VIII-I TCN, hình thành những nền văn hoá
- + Văn hoá Ốc Eo → cơ sở nước Phù Nam.
  - + Văn hoá Sa Huỳnh → cơ sở nước Champa.
  - + Văn hoá Đông Sơn → cơ sở nước Lạc Việt.
- b. Những nét chính về trình độ sản xuất thời văn hóa Đông Sơn:
- Công cụ sản xuất, đồ đựng, đồ trang sức đều phát triển hơn trước.
  - Đồ đồng dần thay thế đồ đá.
  - Tìm thấy nhiều công cụ, vũ khí bằng đồng: lưỡi cày, rìu, lưỡi giáo, mũi tên...có trang trí hoa văn
  - Cuộc sống ổn định
  - Nền sản xuất phát triển

## **THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC BÀI 12: NƯỚC VĂN LANG**

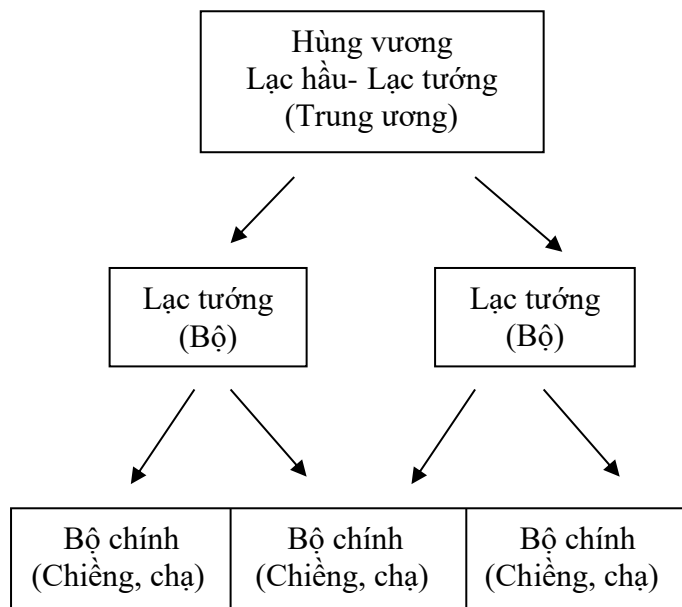
### **Câu 1: Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào ?**

- Vào khoảng các thế kỉ VIII- VII TCN, ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, đã hình thành những bộ lạc lớn.
  - Sản xuất phát triển, mâu thuẫn giữa người giàu và người nghèo đã nảy sinh và ngày càng tăng thêm.
  - Việc mở rộng nghề nông trồng lúa nước, ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn thường xuyên phải đối mặt với hạn hán, lụt lội.
  - Vì vậy, cần phải có người chỉ huy đứng ra tập hợp nhân dân các làng bản để giải quyết vấn đề thủy lợi bảo vệ mùa màng.
  - Các làng, bản khi giao lưu với nhau cũng có xung đột.
  - Ngoài xung đột giữa người Lạc Việt với các tộc người khác còn xảy ra xung đột giữa các bộ lạc Lạc Việt với nhau. Để có cuộc sống yên ổn cần phải chấm dứt các cuộc xung đột đó.
- Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh phức tạp đó..

### Câu 2: Xã hội có gì đổi mới?

- Vùng đất ven sông Hồng, nơi bộ lạc Văn Lang sinh sống là phát triển hơn cả.
- Bộ lạc Văn Lang hợp nhất các bộ lạc khác, thành lập nước Văn Lang ( thế kỉ VII TCN ).
- Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương.
- Kinh đô: Văn Lang.

### Câu 3: Vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang. Nêu nhận xét về tổ chức của Nhà nước đầu tiên này ?



- Vua giữ mọi quyền hành trong nước
- Đứng đầu các bộ là lạc tướng
- Đứng đầu các chiềng chạ là bộ chính

\* **Nhận xét:** Tổ chức nhà nước còn sơ khai, chưa có quân đội, luật pháp. Tuy còn đơn giản nhưng đã tổ chức chính quyền cai quản, đánh dấu bước chuyển biến

cơ bản từ chế độ nguyên thủy sang chế độ có giai cấp, nhà nước, bước vào thời kỳ văn minh.

**Câu 4: Bộ máy Nhà nước Văn Lang được tổ chức như thế nào? Em có nhận xét về tổ chức của Nhà nước đầu tiên này ?**

- Hùng vương chia đất nước ra làm 15 bộ. Vua giữ mọi quyền hành trong nước. Các bộ chịu sự cai quản của Vua

- Để cai trị đất nước, Hùng Vương đặt ra các chức quan Lạc Hầu, Lạc Tướng. Đứng đầu các bộ là Lạc tướng.

- Đứng đầu chiềng, chạ là Bô chính.

\* **Nhận xét:** Tổ chức nhà nước còn sơ khai, chưa có quân đội, luật pháp. Tuy còn đơn giản nhưng đã tổ chức chính quyền cai quản, đánh dấu bước chuyển biến cơ bản từ chế độ nguyên thủy sang chế độ có giai cấp, nhà nước, bước vào thời kỳ văn minh

**Câu 5: Nhà nước Văn Lang ra đời vào thời gian nào, ở đâu? Ai đứng đầu?**

- Thế kỷ VII TCN thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang thống nhất các bộ lạc ở đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thành một nước, đặt tên nước là Văn Lang.

- Người thủ lĩnh lên làm Vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở Bạch Hạc (Việt Trì- Phú Thọ).

**Câu 6: Giải thích câu nói của Bác Hồ:**

*“Các vua Hùng đã có công dựng nước  
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”*

Câu nói của Bác có ý nghĩa:

- Xác định trách nhiệm của thế hệ sau, đặc biệt là thế hệ trẻ trong công cuộc đấu tranh để xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam ngàn năm bền vững.

- Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của, Đảng, Bác Hồ chúng ta đã kiên cường chiến đấu, đánh đuổi bọn xâm lược ra khỏi đất nước ta, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ đất nước mà các Vua Hùng đã có công xây dựng nên.

**Câu 7: Giải thích câu nói của Bác Hồ:**

*“Dân ta phải biết sử ta  
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”*

Câu nói của Bác nhắc nhở mỗi công dân Việt Nam, mỗi con Lạc cháu Hồng phải có trách nhiệm tìm hiểu về cội nguồn, lịch sử dân tộc. Nắm vững lịch sử sẽ cho ta những hiểu biết về tổ tiên, đất nước, dân tộc mình với những chặng đường đấu tranh dựng nước và giữ nước đầy xương máu và nước mắt của cha ông ta. Qua đó gìn giữ, phát triển, giáo dục và khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho các thế hệ mai sau biết trân trọng những giá trị lịch sử, biết ơn những thế hệ đi trước, và nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn những giá trị tinh hoa, bản

sắc văn hóa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc để xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu đẹp, bền vững.

**Câu 10: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần diễn ra như thế nào?**

- Năm 218 TCN, vua Tần đánh xuống phương nam.
- Năm 214 TCN, quân Tần kéo đến vùng bắc Văn Lang, nơi người Lạc Việt và Tây Âu sinh sống. Cuộc kháng chiến bùng nổ.
- Quân ta trốn vào rừng để kháng chiến. Họ bầu Thục Phán lên làm chủ tướng.
- 6 năm sau “người Việt đại phá quân Tần”.

**Câu 11: Diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Tần?**

- Vào cuối thế kỷ III TCN, thời vua Hùng Vương thứ 18, nước Văn Lang không còn yên bình, vua chỉ ham vui chơi, lặt lỏi xảy ra, nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhà Tần đe dọa xâm lược.

- Năm 218 TCN, quân Tần đánh xuống phương Nam; bốn năm sau, quân Tần chiếm vùng Bắc Văn Lang (nơi cư trú của người Lạc Việt và Tây Âu).
- Thục Phán lãnh đạo nhân dân tổ chức kháng chiến lâu dài, đánh du kích: ngày trốn vào rừng, đêm đến ra đánh giặc, sáu năm sau giết được Hiệu úy Đồ Thư, nhà Tần bãi binh.

**Câu 12: Qua cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần này em có suy nghĩ gì về tinh thần chiến đấu của người Tây Âu – Lạc Việt?**

- Qua cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần này chúng ta thấy người Tây Âu – Lạc Việt có tinh thần chiến đấu rất dũng cảm, kiên cường, quyết liệt và quyết tâm chiến đấu vì nền độc lập của dân tộc. Thể hiện lòng yêu nước và tinh thần chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

## **BÀI 13: ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CƯ DÂN VĂN LANG**

**Câu 1: Đời sống vật chất của cư dân Văn Lang ra sao ?**

- Nhà ở: ở nhà sàn, mái cong hình thuyền hay mái tròn hình mũi thuyền làm bằng gỗ, tre, nứa, lá, có cầu thang lên xuống.
  - Nơi ở và đi lại: Làng, chạ thường gồm vài chục gia đình, sống quây quần ven đồi, ven sông, ven biển. Họ đi lại bằng thuyền.
  - Ăn: Thức ăn chính là cơm nếp, cơm tẻ, rau, cà, thịt, cá, biết làm mắm và dùng gừng làm gia vị.
  - Về trang phục: nam đóng khố mình trần, nữ mặc váy, áo xẻ giữa, có yếm che ngực, tóc cắt ngắn hoặc búi xoắn, búi tó hoặc tết đuôi sam.
  - Ngày lễ họ thích đeo các đồ trang sức như vòng tay, khuyên tai, đội mũ cắm lông chim hoặc bông lau.
- Đời sống vật chất văn minh hơn thời kỳ trước.

**Câu 2: Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang có gì mới ?**

- Xã hội Văn Lang đã chia thành nhiều tầng lớp xã hội khác nhau: quyền quý, dân tự do, nô tì. Nhưng sự phân biệt các tầng lớp còn chưa sâu sắc.



- Họ thường tổ chức lễ hội, vui chơi: ca hát, nhảy múa, đua thuyền
  - Cư dân Văn Lang có một số phong tục, tập quán: biết thờ cúng các lực lượng tự nhiên như núi, sông, Mặt Trời..., biết chôn người chết cùng với công cụ và đồ trang sức quý giá; tục nhuộm răng, ăn trầu....
- Đời sống tinh thần tạo nên tình cảm cộng đồng sâu sắc.

**Câu 3: Những yếu tố nào tạo nên tình cảm cộng đồng sâu sắc của cư dân Văn Lang?**

Đời sống vật chất và tinh thần đặc sắc, phong phú đã hòa quyện lại trong con người Lạc Việt, tạo nên tình cảm cộng đồng sâu sắc trong cư dân Văn Lang

**Câu 4: Nông nghiệp và các nghề thủ công nghiệp của cư dân Văn Lang?**

\* Về nông nghiệp.

- Công cụ: bằng đồng.
- Sản xuất: Thóc lúa trở thành lương thực chính của cư dân Văn Lang. Ngoài ra họ còn biết trồng thêm rau, củ, quả ... và trồng dâu, nuôi tằm. Nghề đánh cá, nuôi gia súc (trâu, bò...) đều phát triển.

\* Về nghề thủ công:

- Nghề thủ công, đúc đồng rất phát triển.
- Bắt đầu biết rèn sắt.
- Các nghề thủ công truyền thống được duy trì và phát triển.
- Các nghề thủ công: làm đồ gốm, dệt vải, lụa, xây nhà, đóng thuyền được chuyên môn hóa. Đặc biệt nghề luyện kim được chuyên môn hóa cao. Ngoài việc đúc lưỡi cày, vũ khí, người thợ thủ công còn biết đúc trống đồng, thạp đồng.